

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày 26 – 4 - 2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiễn;

Ông Phạm Đình Bông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2021/TLST-DS, ngày 15/7/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS, ngày 12/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-DS ngày 11/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2022/QĐST-DS ngày 3/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2022/QĐST-DS ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, Thông báo thay đổi lịch xét xử số: 97/TB-TA ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Đ.

Địa chỉ: 130 Phan Đăng L, phường 3, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đào Văn S, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đ – Chi nhánh Đắk Nông. (Theo văn bản ủy quyền số 687/QĐ-DAB-PC, ngày 14/4/2016).

*Người được ủy quyền lại:* Bà Huỳnh Thị Tuyết N – Nhân viên khách hàng cá nhân - Ngân hàng Đ – Chi nhánh Đắk Nông – có mặt.

Địa chỉ: 158 Nguyễn Văn L, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

*Bị đơn:* Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D - Đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

*Những người tham gia tố tụng khác:*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lê Ngọc T1, sinh năm 1992 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1995.

3. Anh Lê Văn T, sinh năm 1997.

4. Chị Lê Thị D, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D, chị H, anh T: Bà Hoàng Thị D – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2021, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Tuyết N trình bày:*

Ngày 28/02/2020, ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D vay vốn tại Ngân hàng Đ chi nhánh Đắk Nông số tiền 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*) theo hợp đồng vay vốn số N.0118/120. Thời hạn 12 tháng, lãi suất 11%/năm, hạn trả gốc cuối cùng vào cuối kỳ. Lãi trả định kỳ 06 tháng/lần; mục đích vay: Đầu tư nông nghiệp.

Ông Lê Văn S, bà Hoàng Thị D thế chấp cho ngân hàng 01 thửa đất được cấp thành 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm: Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 01 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 955743 vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00081/QSDĐ/PH02 do ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/5/1998; thửa đất số 38d, 155, 108, 334g tờ bản đồ số 01; 02 được cấp quyền sử dụng đất số V772778, giấy chứng nhận số 3888672/QSDĐ/PH do ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/01/2003; thửa đất số 34z, tờ bản đồ số 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 379272 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số Hđ 060425 do ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/8/2007, tất cả 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều được cấp cho hộ ông Lê Văn S, đất tọa lạc tại Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Việc thế chấp được lập văn bản, có công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện K.

Trong quá trình vay, ngày 03/6/2021, ông S, bà D trả được số tiền gốc: 160.000.000đ; lãi trong hạn: 40.000.000đ. Đến ngày 28/02/2021, đã đến hạn trả nợ nhưng ông S, bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày khởi kiện, ông S bà D

còn nợ Ngân hàng Đ chi nhánh Đắk Nông tiền gốc là: 640.000.000đ; lãi trong hạn là: 48.482.192đ; lãi quá hạn: 27.918.904 đồng, tổng cộng 716.401.096 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng Đ - chi nhánh Nông yêu cầu ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D thanh toán số tiền 716.401.096 đồng, trong đó tiền gốc là: 640.000.000đ; lãi trong hạn là: 48.482.192đ; lãi quá hạn: 27.918.904 đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D không thanh toán được nợ, Ngân hàng Đ – Chi nhánh Đắk Nông có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số N0021/TC1218 ngày 09/02/2018 để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

*Bị đơn bà Hoàng Thị D và ông Lê Văn S trình bày:* Từ năm 2015 đến nay vợ chồng ông bà vay tiền của Ngân hàng Đông Á nhiều lần và đã đáo hạn nhiều lần. Gần đây nhất vào ngày 28/2/2020, ông Sơn, bà D vay của Ngân hàng số tiền 800.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số N0118/120, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm, mục đích vay đầu tư nông nghiệp. Thời hạn trả gốc là 01 lần vào ngày 28/2/2021. Trong quá trình vay, ông Sơn, bà D đã trả được cho ngân hàng 160.000.000đ tiền gốc và lãi. Ông Sơn, bà D có thể chấp cho ngân hàng 01 thửa đất được cấp thành 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đại diện của Ngân hàng trình bày. Tất cả 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều được cấp cho hộ ông Lê Văn S, đất tọa lạc tại Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Việc thế chấp được lập văn bản, công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Krông Nô.

Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đông Á, ông Sơn, bà D đồng ý trả khoản tiền gốc đã vay là: 640.000.000đ; lãi trong hạn: 48.482.192đ; lãi quá hạn: 27.918.904đ tạm tính đến thời điểm khởi kiện. Tuy nhiên, hiện nay, ông S, bà D đang khó khăn nên xin trả dần khoản tiền này.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị D, Lê Thị H, Lê Anh T1 là bà Hoàng Thị D trình bày:* Chị D, chị H, anh T và anh T1 không liên quan gì đến khoản vay của vợ chồng bà là ông Sơn và D. Tuy nhiên, do các thửa đất mang thế chấp tại ngân hàng đứng tên hộ gia đình, chị D, chị H, anh T, anh T1 là thành viên hộ gia đình nên được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Nhưng những người này không có đóng góp gì đối với khối tài sản đang thế chấp tại ngân hàng. Chị D, chị H, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Ngọc T1 trình bày:* Anh T1 không liên quan gì đến khoản vay của vợ chồng ông và D. Tuy nhiên, do các thửa đất mang thế chấp tại ngân hàng đứng tên hộ gia đình, anh T1 là thành viên hộ gia đình nên được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Nhưng thực tế anh không đóng góp gì đối với khối tài sản đang thế chấp tại ngân hàng. Anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật và xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của ngân hàng thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông S, bà D trả cho Ngân hàng Đ - chi nhánh Đắk Nông 110.000.000đ tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 48.482.192đ; lãi quá hạn là 113.293.972đ tính đến ngày 16/4/2022 và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong khoản tiền trên. Nếu ông S, bà D không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thi hành án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thẩm tra viên đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vắng mặt một số buổi làm việc và tại phiên tòa, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số N0118/120 ngày 28/02/2020; Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay ngày 28/02/2020; bảng tính lãi của khách hàng tính đến ngày 03/6/2021; Hợp đồng thế chấp số N0021/TC1218 ngày 09/8/2018; Đơn yêu cầu giao dịch đảm bảo ngày 09/8/2018; Giấy cam kết thế chấp tài sản gắn liền với đất ngày 09/8/2018 (bản photo chứng thực); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn S, bà Hoàng Thị D (Số AI379272; số M 955743; số V772778 đều là bảnphoto); Công văn số 7848/NHNN-TTGSNH ngày 22 tháng 10 năm 2013; Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh; quyết định 123/QĐ-DAB-HĐQT ngày 17/9/2019 của Ngân hàng Đ (Đều là bản sao y chứng thực); Quyết định Ủy quyền thường xuyên cho bà Huỳnh Thị Tuyết N (Bản chính không có số, ngày tháng năm); Quyết định ủy quyền thường xuyên cho ông Đào Xuân S tại các cơ quan pháp luật (bản sao).

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Đ khởi kiện ông Lê Văn S, bà Hoàng Thị D yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo Hợp đồng vay số N.0118/120 ngày 28/2/2020. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Đ – chi nhánh Đắk Nông, ông Sơn, bà D có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang ở tại Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

## [2] Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

### [2.1]. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng vay vốn N.0118/120 ngày 28/2/2020, số tiền vay 800.000.000đ, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Hạn trả cuối cùng vào ngày 28/2/2021, mục đích vay đầu tư nông nghiệp. Thời hạn trả nợ là vào cuối kỳ ngày 28/02/2021. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng Đ và bên vay là ông S, bà D. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

### [2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

[2.2.1]. Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D trả số tiền: 716.401.096 đồng, trong đó tiền gốc là: 640.000.000đ; lãi trong hạn là: 48.482.192đ; lãi quá hạn: 27.918.904 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu ông S, bà D thanh 110.000.000đ tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 48.482.192đ; lãi quá hạn là 113.293.972đ tính đến ngày 16/4/2022 và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong khoản tiền trên. Xét thấy, nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Đ không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Ông S, bà D chỉ trả cho ngân hàng được 160.000.000đ tiền gốc và 40.000.000đ tiền lãi phát sinh. Số tiền gốc còn lại, đến thời hạn thanh toán ngày 28/2/2021, ông S, bà D không trả cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó ngân hàng Đ khởi kiện, yêu cầu ông S, bà D thanh toán tiền gốc là 110.000.000đ tiền gốc là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[2.2.2]. Căn cứ mục 9 hợp đồng vay vốn N.0118/120 ngày 28/2/2020, xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn, của nguyên đơn đối với bị đơn thể hiện cụ thể tại bảng kê tính lãi được lập ngày 26/4/2022 với số tiền lãi còn nợ là 161.776.164đ là có cơ sở, đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

### [2.3]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số N3844/TC17, ngày 28/8/2017, thể hiện ông S, bà D thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông thuộc các thửa đất số 38d; 155; 108; 334g tờ bản đồ số 01, số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 772778 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/01/2003; thửa đất số 34Z tờ bản đồ số 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI379272 do ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/8/2007; thửa đất số 39 tờ bản đồ số 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất M955743 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/05/1998.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/10/2021 thể hiện: Hiện trạng

quyền sử dụng đất mà ông S, bà D đang quản lý sử dụng đúng với quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các thửa đất số 39, 38d, 39g, 34z có vị trí tiếp giáp nhau và phù hợp với vị trí các thửa đất mà ông S, bà D đã thế chấp cho Ngân hàng Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0021/TC1218 ngày 09/02/2018.

Đối với quyền sử dụng đất được cấp GNQSDĐ các thửa đất số 155, 108 tờ bản đồ số 02 hiện trạng là đất ruộng. Hiện nay ông S, bà D vẫn đang quản lý và trồng lúa.

Về tài sản gắn liền trên đất:

- Tài sản gắn liền trên đất đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 39, tờ bản đồ số 01 gồm có: 01 căn nhà gỗ, mái lợp ngói, xung quanh ván, nền lát xi măng, diện tích khoảng 30m<sup>2</sup>; 01 nhà bếp mái lợp tôn xi măng, xung quanh xây gạch không nung, diện tích khoảng 40m<sup>2</sup>, nền lát xi măng; 01 nhà dưới lợp ngói, xung quanh ván, nền lát xi măng, diện tích khoảng 20m<sup>2</sup>; 01 sân lát xi măng diện tích 110m<sup>2</sup>; tiêu trồng năm 2015.

- Tài sản gắn liền trên đất đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 38d gồm: Tiêu trồng năm 2015 và cà phê trồng năm 2017.

- Tài sản gắn liền trên đất đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 34Z gồm: cây điều trồng năm 2007; tiêu trồng xen năm 2010, 2011.

Tổng số các loại cây trồng trên các thửa đất 39, 38d, 34g, 34z là: Tiêu 1700 cây trong đó kinh doanh năm thứ 3 trở đi là 1000 trụ (cây); chăm sóc năm thứ 2 khoảng 700 cây; Cây cà phê: 200 cây, chăm sóc năm thứ 1, năm thứ 2; Cây điều thường kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 150 cây.

Đối với thửa đất số 108, 155 tờ bản đồ số 02 hiện nay không có tài sản gì (trồng lúa theo mùa vụ).

Xét thấy việc ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D thế chấp các quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo cho khoản tiền vay thực hiện theo Hợp đồng vay vốn số: N.0118/120 ngày 28/2/2020. Vì vậy, trường hợp ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.4]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai của bà Trương Thị T2, thể hiện: Bà T2 là người có quen biết với cán bộ ngân hàng Đ – phòng giao dịch Đắk Mil. Bà có giúp ông S, bà D làm thủ tục vay số tiền 800.000.000đ. Sau khi ông S, bà D vay được tiền thì cho bà vay lại 600.000.000đ. Việc bà vay tiền của ông S, bà D chồng bà là ông Trần Đức L có biết. Hiện nay, bà vẫn chưa trả được khoản tiền này cho bà D, ông S. Bà cam kết sẽ trả cho ông S, bà D khoản nợ trên chậm nhất vào ngày 31/12/2021. Xét thấy, việc bà D, ông S cho bà T2 vay là giao dịch vay cá nhân không liên quan đến ngân hàng. Ông S, bà D không có yêu cầu độc lập đối với bà Trương Thị T2 và ông Trần Đức L. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết đối với quan hệ vay tài sản giữa ông S, bà D với bà T2, ông L. Nếu

ông S, bà D khởi kiện yêu cầu ông L, bà T2 trả tiền thì sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), do đó cần buộc ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*). Tòa án hoàn trả cho nguyên đơn 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định còn lại.

[4]. Án phí dân sự: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D phải chịu án phí DSST là 13.589.000đ (*Mười ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng làm tròn số*). Hoàn trả cho Ngân hàng Đ 16.280.000đ (*Mười sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004242 ngày 14/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

***Vì các lẽ trên:***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 147; Điều 155; Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D trả cho Ngân hàng Đ số tiền 271.776.164đ (*Hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng*), trong đó tiền gốc là 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 48.482.192đ (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng*), lãi quá hạn là 113.293.972đ (*Một trăm mười ba triệu hai trăm chín mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng*) tính đến ngày 26/4/2022.

Kể từ ngày 27/4/2022 cho đến khi thi hành xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn N.0118/120 ngày 28/2/2020 cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0021/TC1218 ngày 09/02/2018 để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D phải chịu 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*); Tòa án hoàn trả cho nguyên đơn 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định còn lại.

3. Án phí dân sự: Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D phải nộp số tiền 13.589.000đ (*Mười ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Đ 16.280.000đ (*Mười sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004242 ngày 14/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa**



**(Đã ký và đóng dấu)**  
**Nguyễn Thị Hải Âu**

